

PHỤ LỤC 1
ĐẶC ĐIỂM NGUỒN LAO ĐỘNG TRONG TỈNH

Bảng 1. Số Lượng lao động tham gia hoạt động kinh tế, qua đào tạo, làm việc trong doanh nghiệp

Số T T	Lĩnh vực	Lao động tham gia hoạt động kinh tế		Lao động tham gia HKKT đã qua đào tạo		Lao động làm việc trong doanh nghiệp		
		Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số DN	Tổng số LD	Tỷ lệ
1	Nông, lâm, thủy sản	291.699	47,84	119.509	19,60	174	21.071	13,4
2	Công nghiệp – Xây dựng	150.361	24,66			2.090	109.335	71,3
3	Dịch vụ	167.678	27,50			3.213	22.950	14,96
	Tổng cộng	609.740	100			5.477	153.356	100

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021)

Bảng 2. Số lao động trong các doanh nghiệp phân theo ngành Công nghiệp - Xây dựng:

STT	Phân theo ngành	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2021
1	Khai khoáng	720	788	798
2	Chế biến, chế tạo (dệt may, giày da...)	32.589	65.045	99.532
3	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.	460	658	793
4	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	216	280	679
II	Ngành Xây dựng	6.659	6.028	7.533

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2010, 2015, 2021)

Bảng 3: Số lao động trong các doanh nghiệp phân theo ngành TM-DV:

STT	Phân theo ngành	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2021
1.	Buôn bán và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	8.501	10.300	10.961
2.	Vận tải kho bãi	587	801	1.383
3.	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	359	502	405
4.	Thông tin và truyền thông	83	84	97
5.	Hoạt động tài chính ngân hàng và bảo hiểm	68	75	123
6.	Hoạt động kinh doanh bất động sản	270	510	1.151
7.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	1.159	1.169	2.557
8.	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	493	716	2.461
9.	Giáo dục và đào tạo	48	93	570
10.	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	145	202	2.966
11.	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	142	206	166
12.	Hoạt động dịch vụ khác	144	202	110

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2010;2015;2021)

PHỤ LỤC 2 : Tổng hợp số lao động tư vấn - giới thiệu việc làm qua Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh

TT	Nội dung thực hiện nhiệm vụ	2018	2019	2020	2021
1	Tư vấn	14.006	16.554	15.084	12.070
2	Giới thiệu việc làm (tỷ lệ trên số tư vấn)	615 (4,5%)	910 (5,5%)	961 (6,5%)	605 (5%)
	- Trong nước	538	859	959	593
	- Ngoài nước	77	51	02	12

(Nguồn : TTDVVL tỉnh)

PHỤ LỤC 3 : Dự báo số lượng lao động gia tăng tự nhiên

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Dự báo	
				Đến 2025	Đến 2030
1	Dân số	Người	1.024.670	1.078.527	1.150.478
	Tốc độ tăng bình quân năm	%	1,3	1,3	1,3
2	Lực lượng lao động 15 tuổi trở lên	người	626.275	681.240	752.144
	Tốc độ tăng bình quân năm	%	2	2	2
3	Lao động theo cơ cấu khu vực				
	- Chi theo tỷ lệ		100	100	100
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	49,25	34,25	19
	Công nghiệp - Xây dựng		24,30	34,30	44
	Dịch vụ		26,45	31,45	36
	- Chia theo số người		626.275	681.240	752.144
	Nông nghiệp	Người	308.440	233.325	144.788
	Công nghiệp - Xây dựng		152.184	233.665	333.200
	Thương mại - Dịch vụ		165.649	214.250	274.156

(Nguồn: Sở LĐTBXH dự báo trên số liệu thống kê giai đoạn trước)